

**TAND THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đậu Đức Đông

Bà: Phan Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1947

Đều trú tại: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An;

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị N kết hôn với nhau vào năm 1970, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận và có 09 con chung. Đến năm 1990 bà N đã bỏ nhà ở xóm T, xã N, huyện N (nay là thị xã T) về xã Q, huyện Q sinh sống, sau 01 (một) tháng bà N mới về nhà, nhưng không chăm lo cho ông cũng như cuộc sống gia đình. Từ năm 2001 đến đầu năm 2017 bà N liên tục đi vào Miền nam sinh sống cùng với các con cháu, thỉnh thoảng bà mới trở về thăm nhà. Đến cuối năm 2017 khi ông T làm đơn xin ly hôn đối với bà N tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ

An thì bà N mới chính thức về nhà ở từ đó đến nay. Ông T cho rằng do bà N sống không có tình cảm và trách nhiệm gì với ông và gia đình, nên từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nay mặc dù bà N đã trở về nhà nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cải thiện được mà càng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến gây mất tình cảm, đoàn kết giữa cha mẹ cùng các con. Đã nhiều lần xảy ra cãi vã xô xát trong gia đình, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Vào ngày 31/10/2017 ông cũng đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thị xã T giải quyết ly hôn và đã được thụ lý giải quyết: Tuy nhiên do chưa thống nhất được phần chia tài sản chung của vợ chồng, nên ông T đã rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thị xã T đình chỉ vụ án vào ngày 19/4/2018. Sau khi rút đơn ông T và bà N đã về tự phân chia tài sản chung, tuy nhiên về mặt tình cảm giữa ông và bà N vẫn không thể đoàn tụ được, nên ngày 26/3/2019 ông T tiếp tục gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N vì tình cảm không còn, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng hơn và thực tế ông và bà N đã sống ly thân, đã tự chia nhà ngăn cách, không còn tình cảm, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T xác định quá trình chung sống vợ chồng có 09 (chín) con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; Nguyễn Sỹ M, sinh năm 1977; Nguyễn Thị K, sinh năm 1979; Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1980 (đã chết); Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn đúng như ông T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 09 người con. Năm 1990 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà bị ốm, ông T có hành vi đánh đập bà nên bà về quê ở xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An để nhờ chị em chăm sóc. Thời gian này ông T có người phụ nữ khác và không còn quan tâm đến bà và các con. Năm 2001 đến đầu năm 2017 bà liên tục đi vào Miền nam để chăm cháu, thỉnh thoảng bà có về thăm ông, nhưng ông không còn tình cảm với bà. Hiện tại bà thừa nhận giữa ông và bà đã sống ly thân, đã tự chia nhà ngăn đôi, mặc dù vậy, nhưng bà vẫn mong muốn đoàn tụ với ông T nên không đồng ý ly hôn.

Về việc nuôi con chung: Bà cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng sinh được 09 người con (đã mất 01 người con) như ông T trình bày. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng tự lập, do vậy bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn bà N xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, điều 71; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hồ Thị N vì tình cảm các bên đương sự không còn.

Về nuôi con chung: Các con chung của ông T, bà N đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Do ông T, bà N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông T thuộc trường hợp người cao tuổi và được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã T nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thảo có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Hồ Thị N tại Tòa án nhân dân thị xã T. Bị đơn bà Hồ Thị N có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An, vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị N thấy rằng: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị

N là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, tuân thủ các điều kiện về kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn ông T và bà N chung sống hạnh phúc và sinh được 09 người con. Theo ông T trình bày thì nguyên nhân dẫn đến việc ông T yêu cầu ly hôn với bà N là do bà N thường xuyên bỏ nhà về quê và vào Miền nam chung sống cùng với con cháu cả một thời gian dài, cụ thể năm 1990 bà N bỏ về quê sinh sống 01 (một) tháng; từ năm 2001 đến đầu năm 2017 bà N liên tục vào Miền nam sinh sống cùng con cháu, thỉnh thoảng bà N mới về quê, ông T cho rằng do bà N sống không có trách nhiệm, thiếu tình nghĩa vợ chồng, không chăm lo cuộc sống cho ông và gia đình, bỏ bê ông một mình lo lắng, nên dẫn đến một thời gian dài vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mặc dù đã được gia đình nội ngoại cùng các con cháu, thôn xóm khuyên nhủ nhưng tình cảm giữa ông bà vẫn không cải thiện được, mà ngày càng trở nên nghiêm trọng cãi cọ, chửi bới gây mất tình hình trật tự trị an tại thôn xóm và địa phương. Hiện nay, ông T và bà N đã tự chia tài sản, ngăn nhà sống ly thân, không còn tình cảm, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Qua hai lần gửi đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Bị đơn bà N cho rằng vào năm 1990 bà bị ốm và về quê ở xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An để nhờ chị em chăm sóc. Bà N thừa nhận từ năm 2001 đến đầu năm 2017 bà liên tục vào Miền nam để chăm cháu hộ các con của bà, thỉnh thoảng bà có về quê thăm ông, nhưng ông không có tình cảm với bà, vì do ông có người phụ nữ khác. Hiện tại bà cũng thừa nhận ông bà đã sống ly thân và được con cháu phân chia tài sản, chia nhà ngăn cách, mỗi người sống một bên, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mặc dù vậy, nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông mà mong muốn ông đoàn tụ.

Theo biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của ông T và bà N tại Xóm T, xã N, thị xã T thấy rằng: Mâu thuẫn giữa ông T và bà N xảy ra thời gian dài, nguyên nhân là do tính tình ông bà không phù hợp, ông T và bà N ly thân thời gian dài do bà N thường xuyên vào sinh sống cùng với con cháu ở Miền nam nhiều năm, ông bà không còn tình cảm quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà xảy ra cãi vã, xô xát làm mất trật tự trị an và chính quyền phải can thiệp.

Căn cứ vào lời trình bày của anh Nguyễn Văn H là con trai thứ nhất của ông T, bà N ngày 16/5/2019 cung cấp: Bố mẹ của anh đã sống ly thân từ rất lâu, nguyên nhân là do tính tình bố mẹ anh không hợp, mặc dù đã được các con can thiệp nhiều lần nhưng bố mẹ không hẳn gắn tình cảm được với nhau.

Theo lời khai của người làm chứng anh Trần Hải Đ là hàng xóm láng giềng gần nhà ông T bà N trình bày: Ông T, bà N mâu thuẫn với nhau thời gian dài, nguyên nhân là do bà N thường xuyên vào Miền nam sinh sống cùng các con, thời gian gần đây bà N đã về nhà, nhưng ông bà xảy ra cãi vã, chửi bới nhau phải nhờ đến xóm, chính quyền can ngăn, nay ông bà sống ly thân, đã chia nhà ngăn đôi, mỗi người một bên, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Như vậy, có căn cứ để xác định: Tình cảm giữa ông T, bà N không còn, vợ chồng đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài, không sống chung cùng nhau, không yêu thương nhau, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại điều 19 và điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà Hồ Thị N không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ, tuy nhiên bà N không có biện pháp gì để khắc phục và cải thiện được tình cảm vợ chồng, hơn nữa trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, chia nhà ở riêng, không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc gì nhau, bỏ mặc nhau. Vì vậy, mâu thuẫn giữa ông T, bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống ông T và bà N có 09 con chung (đã chết 01 người con), hiện nay ông bà đều xác nhận các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lập, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án do ông T, bà N không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) do ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án);

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hồ Thị N.
- Về việc nuôi con: Các con chung của ông T, bà N đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về chia tài sản: Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị N không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Hồ Thị N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã T;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã N để ghi vào sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SẴN THỘM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang